

Bản án số: **24/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 24 tháng 9 năm 2022

*"Về việc ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và  
anh Vũ Ngọc T"*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Cao Văn Thắng**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Đào PH Mai**
2. Ông **Nguyễn Văn Kinh**

*Th- ký phiên tòa:* Ông **Tô Việt Anh** – Thư ký Tòa án

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Huyền Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 246/2022/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đ- ơng sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1978

ĐKHKT tại: Số 29 H, phường C, quận H, Thành phố H

Nơi ở hiện nay: Số 27 Q, phường V, quận Đ, Thành phố Hi; Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông **Vũ Ngọc T**, sinh năm 1968

ĐKHKT tại: Số 29 H, phường C, quận H, Thành phố H;

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 1, Trại giam Thanh Lâm, Cục C10, Bộ Công an; Địa chỉ: thôn Thăng Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2022, bản tự khai và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:**

*Về tình cảm:* Bà kết hôn với ông Vũ Ngọc T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, Thành phố

Hà Nội ngày 21/8/1998. Quá trình chung sống, đến năm 2000 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cách sống lối sống không phù hợp, thường xuyên xảy ra tranh cãi, ông T bị nghiện ma túy. Năm 2013, ông T bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy, sau đó bị đưa đi chấp hành hình phạt 14 năm tù tại Trại giam Thanh Lâm; Địa chỉ: thôn Thăng Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

*Về con chung:* Vợ chồng có 04 con chung là: Vũ Quốc K, sinh ngày 14/12/1998; Vũ Thị Thu T1, sinh ngày 15/5/2000; Vũ Thị Thu T2, sinh ngày 27/9/2004 và Vũ Thùy L, sinh ngày 15/5/2013. Hiện anh K, chị T1 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Hai cháu T2, L chưa đủ 18 tuổi đang ở với bà H. Khi ly hôn, bà H đề nghị được trực tiếp nuôi dạy hai cháu, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung.

*Về tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Tại biên bản tự khai ngày 23/8/2022, bị đơn ông Vũ Ngọc T trình bày:**

Xác nhận thời gian kết hôn như bà H đã trình bày, xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do năm 2013, ông T phạm tội mua bán trái phép chất ma túy và phải đi chấp hành án phạt tù. Ông T xác nhận vợ chồng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn với bà H và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Về con chung: Ông T xác nhận vợ chồng có 04 con chung là Vũ Quốc Khánh, sinh ngày 14/12/1998; Vũ Thị Thu Trang, sinh ngày 15/5/2000; Vũ Thị Thu Trinh, sinh ngày 27/9/2004 và Vũ Thùy Linh, sinh ngày 15/5/2013. Hiện anh Khánh, chị Trang đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Hai cháu Trinh, Linh chưa đủ 18 tuổi đang ở với bà H. Khi ly hôn, ông T đồng ý để bà H được trực tiếp nuôi dạy cả hai cháu.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, ông T đề nghị tạm hoãn việc đóng góp nuôi con chung cho ông.

Về tài sản chung, nhà đất ở chung, công nợ chung của vợ chồng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại phiên tòa,***

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống và giữ nguyên quan điểm về các vấn đề khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến

trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Cụ thể: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; Việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, về điều khiển phiên tòa; Đối với các đương sự đã thực hiện đúng các quy định, các quyền trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của đương sự, xử cho bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Vũ Ngọc T; Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Thu T2, sinh ngày 27/9/2004 và cháu Vũ Thùy L, sinh ngày 15/5/2013 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; Tạm miễn việc đóng góp tiền nuôi con chung cho ông T; Về tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung không có nên không xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đọc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng:* Xét thấy, bị đơn ông Vũ Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

2. *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

- *Về tình cảm:* Xét thấy, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Vũ Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21/8/1998 tại Ủy ban nhân dân phường Cửa Đông, quận T Kiểm, Thành phố Hà Nội là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2013 do ông T bị xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và phải đi chấp hành án tại Trại giam Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hóa. Bà H có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T, anh T cũng đồng ý vì cả hai không còn tình cảm với nhau. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau trong một thời gian dài, cả hai không còn tình cảm, quan tâm gì đến nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp và để tạo điều kiện cho các bên ổn định cuộc sống riêng, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H, xử cho bà H được ly hôn với ông Vũ Ngọc T.

- *Về con chung:* Ông bà có 04 con chung là Vũ Quốc K, sinh ngày 14/12/1998; Vũ Thị Thu T1, sinh ngày 15/5/2000; Vũ Thị Thu T2, sinh ngày 27/9/2004 và Vũ Thùy L, sinh ngày 15/5/2013. Hiện anh Vũ Quốc K và chị Vũ Thị Thu T1 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Hai cháu

Thị Thu Trinh T2, Vũ Thùy L chưa đủ 18 tuổi đang ở với bà H. Khi ly hôn, ông T đồng ý để bà H được trực tiếp nuôi dạy hai cháu.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con; ông T đề nghị tạm hoãn việc đóng góp nuôi con chung cho ông.

Theo quy định pháp luật, việc giao con cho ai nuôi d- ỡng cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần của con ch- a thành niên. Xét thấy hai cháu T2, L hiện đang sinh sống ổn định với mẹ. Ông T đang phải đi chấp hành hình phạt tù cũng đồng ý để bà H được toàn quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để giao cháu Vũ Thị Thu T2, sinh ngày 27/9/2004 và cháu Vũ Thùy L, sinh ngày 15/5/2013 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi d- ỡng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về cấp d- ỡng nuôi con chung:* Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu ông Vũ Ngọc T phải cấp dưỡng nuôi hai con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Vũ Ngọc T kể từ tháng 9/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- *Về tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung:* Không có nên Tòa không xem xét.

- *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên!*

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; 35; 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

□p dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban th- ờng vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

**Xử:**

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của bà **Nguyễn Thị Thu H** đối với ông **Vũ Ngọc T**.

2. Bà **Nguyễn Thị Thu H** được ly hôn với ông **Vũ Ngọc T**.

3. Về con chung: Có 04 con chung là **Vũ Quốc K**, sinh ngày 14/12/1998; **Vũ Thị Thu T1**, sinh ngày 15/5/2000; **Vũ Thị Thu T2**, sinh ngày 27/9/2004 và **Vũ Thùy L**, sinh ngày 15/5/2013.

Hiện anh Vũ Quốc K và chị Vũ Thị Thu T1 đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Giao cháu Vũ Thị Thu T2, sinh ngày 27/9/2004 và cháu Vũ Thùy L, sinh ngày 15/5/2013 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ tháng 9/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác;

Ông Vũ Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu ông Vũ Ngọc T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Vũ Ngọc T kể từ tháng 9/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

5. Về tài sản chung; nhà, đất ở; công nợ chung: Không có.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0051769 ngày 15/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

7. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục THADS quận T Kiểm;
- Các đơn vị;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Văn Thắng**